

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2022/HN-ST**

Ngày: 02/8/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Duy Khương

2. Bà Nguyễn Hải Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 264/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/5/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST - HN ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh Lương Xuân H, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Số nhà 28, đường HL1 Thôn NL, xã HL, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

\* *Bị đơn:* Chị Trương Thị Minh Ch, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Ấp HT1, xã MTA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lương Xuân H trình bày và yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Lương Xuân H và chị Trương Thị Minh Ch chung sống với nhau từ năm 2008. Trước khi chung sống anh chị có quen biết nhau trước, sau đó cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân và có thực hiện việc đăng ký kết hôn đã được UBND xã MTA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 09/12/2009.

Nguyên nhân anh H xin ly hôn là do trong quá trình chung sống anh và chị Ch thường xuyên cự cãi, luôn bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Ngoài ra, khi chị Ch làm kinh tế bên ngoài và sử dụng trong kinh tế gia đình như thế nào chị Ch hoàn toàn không cho anh H biết. Khi anh hỏi đến thì vợ chồng cự cãi. Anh chị đã ly thân và không liên lạc với nhau khoảng 01 năm nay.

Nay, anh H xét thấy, tình cảm của anh đối với chị Ch không còn nữa và mâu thuẫn giữa anh với chị Ch không thể hàn gắn được, hôn nhân giữa anh và chị Ch không thể kéo dài nữa nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ch.

- Về con chung: Anh H xác nhận, anh và chị Ch có 01 con chung là cháu Lương Trương Phương Th (sinh ngày 16/10/2009), cháu chung sống với chị Ch từ khi anh và chị Ch ly thân cho đến nay. Nay ly hôn, anh H đồng ý giao cháu Phương Th cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng.

Hiện tại, anh H đang làm tài xế lái xe hợp đồng cho tư nhân nên việc cấp dưỡng nuôi con ở hiện tại là anh không cấp dưỡng nhưng sau này anh sẽ cho cháu theo khả năng của anh.

- Về tài sản chung: Anh H xác nhận, trong thời gian chung sống anh H và chị Ch có tạo lập được 01 số tài sản nhưng hiện nay đã bán hết chỉ còn 01 chiếc máy cuốc đất trị giá khoảng 200 đến 300 triệu đồng và chị Ch đang quản lý. Khi ly hôn, anh H không có tranh chấp phần tài sản này nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H đồng ý để tài sản này lại cho chị Ch và cháu Thảo.

- Về nợ chung: Anh H xác nhận, anh và chị Ch không có nợ chung trong thời gian chung sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trương Thị Minh Ch trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Ch đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương Th, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ch xác nhận, giữa chị và anh H không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên tòa:*

- Anh H và chị Ch: Vắng mặt.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng:* Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Lương Xuân H khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị Minh Ch có nơi cư trú tại ấp HT1, xã MTA, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua yêu cầu của đương sự trong suốt quá trình giải quyết vụ án được xác định là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định xét xử đến các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng anh H và chị Ch đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị Ch.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh H và chị Ch chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MTA và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/12/2009 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của anh H về việc ly hôn với chị Ch. HĐXX xét thấy, anh H cho rằng sau khi kết hôn và qua thời gian chung sống thì anh và chị Ch phát sinh mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nay nhưng đến nay cả hai không hàn gắn được. Đối với yêu cầu của anh H, chị Ch cũng xác nhận và chị Ch đồng ý ly hôn với anh H.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm động viên anh chị trở về chung sống, tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh H vắng mặt nên HĐXX không thể ghi nhận việc anh H và chị Ch thuận tình ly hôn.

Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho anh H được ly hôn với chị Ch.

[3] *Về quan hệ con chung*: Anh H và chị Ch xác nhận, anh chị có 01 con chung là cháu Lương Trương Phương Th, sinh ngày 16/10/2009. Khi ly hôn, chị Ch yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th và anh H đồng ý giao cháu Thảo cho chị Ch nuôi dưỡng.

Xét thấy, yêu cầu của chị Ch về việc được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phương Th là phù hợp với nguyện vọng của cháu Th (theo nội dung biên bản lấy ý kiến ngày 30/5/2022) nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này của chị Ch.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị Ch không yêu cầu anh H cấp dưỡng là tự nguyện nên HĐXX không xem xét. Nhưng khi cần thiết, chị Ch có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh H và chị Ch xác định không có tranh chấp nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc anh H phải chịu án phí hôn nhân với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Lương Xuân H được ly hôn với chị Trương Thị Minh Ch.

2. *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Lương Trương Phương Th, sinh ngày 16/10/2009 cho chị Ch trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (*hiện nay cháu Th đang chung sống cùng chị Ch*).

Sau khi ly hôn, anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Trường hợp, anh H lạm dụng vào việc thăm nom con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Ch thì chị Ch có quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc anh Lương Xuân H chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0009339 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên anh H không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo*: Anh H và chị Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh KG;
- UBND xã MTA;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trịnh Thị Cẩm Linh**